



TT	Năm	Hình thức khen thưởng cấp bộ, cấp tỉnh/ khen thưởng cấp Nhà nước	Tổng số	TẬP THỂ															CÁ NHÂN												Ghi chú
				Trong đó				PHÂN THEO P/THỨC KHEN THƯỞNG				THEO ĐỐI TƯỢNG KHEN THƯỞNG							PHÂN THEO CHỨC VỤ QUẢN LÝ						PHÂN THEO PHƯƠNG THỨC KHEN THƯỞNG						
				Tặng	Truy tặng	Tập thể	Cá nhân	Công trạng và thành tích đạt được	Khen theo chuyên đề	Khen thưởng đột xuất	Khen đối ngoại	Tập thể là cấp bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương và cấp tỉnh	Tập thể thuộc và trực thuộc các cơ quan quản lý nhà nước	Tập thể là tập đoàn, tổng công ty	Tập thể là doanh nghiệp/H TX	Các tập thể còn lại	Lãnh đạo Đảng, Nhà nước; Lãnh đạo cấp bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương và cấp tỉnh	Lãnh đạo cấp vụ, sở, ngành và tương đương	Các cấp Lãnh đạo khác từ trưởng phòng trở lên	Doanh nhân	Công nhân	Nông dân	Người lao động trực tiếp khác (từ Phó trưởng phòng trở xuống)	Công trạng và thành tích đạt được	Chuyên đề	Đột xuất	Cống hiến	Đối ngoại	Niên hạn	Kháng chiến	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	20	21	22	23			24	25	26	27	28	29	30	31
I	Năm 2014																														
1		Khen thưởng cấp nhà nước																													
1.1		Huân chương Lao động hạng 3	5	5		1	4	1						1							4					4					
1.2		Huân chương kháng chiến hạng 3	1	1			1																		1					1	
1.3		Huy chương kháng chiến hạng I	2	2			2																		2					2	
1.4		Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ	9	9		2	7	2						2							5				2	7					
2		Khen thưởng cấp bộ, cấp tỉnh																													
2.1		Bảng khen	133	133		21	112	14	7					14			7				11				101	103	9				
2.2		Cờ thi đua	6	6		6		6						6																	
2.3		Chiến sĩ thi đua tỉnh	10	10			10														7				3	10					
II	Năm 2015																														
1		Khen thưởng cấp nhà nước																													
1.1		Huân chương kháng chiến hạng 3	4	3	1	2	2	2									2								2						2
1.2		Huy chương kháng chiến hạng I	10	9	1	4	6	4									4								6						6
1.3		Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ	1	1		1		1									1														
2		Khen thưởng cấp bộ, cấp tỉnh																													
2.1		Bảng khen	185	185		32	153	18	14					27			5				21				132	127	26				
2.2		Cờ thi đua	6	6		6		6						6																	
2.3		Chiến sĩ thi đua tỉnh	1	1			1														1				1						

[illegible]

TT	Năm	Hình thức khen thưởng cấp bộ, cấp tỉnh/ khen thưởng cấp Nhà nước	Tổng số	Trong đó		Trong đó		TẬP THỂ										CÁ NHÂN														Ghi chú
				Tặng	Truy tặng	Tập thể	Cá nhân	PHÂN THEO P/THỨC KHEN THƯỞNG				THEO ĐỐI TƯỢNG KHEN THƯỞNG						PHÂN THEO CHỨC VỤ QUẢN LÝ							PHÂN THEO PHƯƠNG THỨC KHEN THƯỞNG							
								Công trạng và thành tích đạt được	Khen theo chuyên đề	Khen thưởng đột xuất	Khen đối ngoại	Tập thể là cấp bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương và cấp tỉnh	Tập thể thuộc và trực thuộc các cơ quan quản lý nhà nước	Tập thể thuộc các cơ quan quản lý nhà nước	Tập thể là tập đoàn, tổng công ty	Tập thể là doanh nghiệp/H TX	Các tập thể còn lại	Lãnh đạo Đảng, Nhà nước; Lãnh đạo cấp bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương và cấp tỉnh	Lãnh đạo cấp vụ, sở, ngành và tương đương	Các cấp Lđao khác từ trưởng phòng trở lên	Doanh nhân	Công nhân	Nông dân	Người lao động trực tiếp khác (từ Phó trưởng phòng trở xuống)	Công trạng và thành tích đạt được	Chuyên đề	Đột xuất	Cống hiến	Đối ngoại	Niên hạn	Kháng chiến	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	20	21	22	23			24	25	26	27	28	29	30	31	
2.3		Chiến sĩ thi đua tỉnh	3	3			3													2				1	3							
III	Năm 2019																															
1		Khen thưởng cấp nhà nước																														
1.1		Cờ thi đua của Chính phủ	1	1		1		1									1															
2		Khen thưởng cấp bộ, cấp tỉnh																														
2.1		Bảng khen	186	186		27	159	22	5					25			2			2				157	149	10						
2.2		Cờ thi đua	6	6		6		6						6																		
2.3		Chiến sĩ thi đua tỉnh	1	1			1																1	1								
III	Năm 2020																															
1		Khen thưởng cấp nhà nước																														
1.1		Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ	3	3			3																	3								
2		Khen thưởng cấp bộ, cấp tỉnh																														
2.1		Bảng khen	208	208		29	179	25	4					29						7				172	171	8						
2.2		Cờ thi đua	11	11		11		11						11																		
2.3		Chiến sĩ thi đua tỉnh	3	3			3													1				2	3							
III	Năm 2021																															
1		Khen thưởng cấp nhà nước																														
1.1		Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ	3	3			3	3																3								
2		Khen thưởng cấp bộ, cấp tỉnh																														
2.1		Bảng khen	301	301		46	255	35	11					45			1			11				244	237	18						
2.2		Cờ thi đua	10	10		10		10						10																		
2.3		Chiến sĩ thi đua tỉnh	3	3			3													3				3								

TT	Năm	Hình thức khen thưởng cấp bộ, cấp tỉnh/ khen thưởng cấp Nhà nước	Tổng số	Trong đó		Trong đó		TẬP THỂ										CÁ NHÂN														Ghi chú	
				PHÂN THEO P/THỨC KHEN THƯỞNG				THEO ĐỐI TƯỢNG KHEN THƯỞNG						PHÂN THEO CHỨC VỤ QUẢN LÝ							PHÂN THEO PHƯƠNG THỨC KHEN THƯỞNG												
				Tặng	Truy tặng	Tập thể	Cá nhân	Công trạng và thành tích đạt được	Khen theo chuyên đề	Khen thưởng đột xuất	Khen đối ngoại	Tập thể là cấp bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương và cấp tỉnh	Tập thể thuộc và trực thuộc các cơ quan quản lý nhà nước	Tập thể là tập đoàn, tổng công ty	Tập thể là doanh nghiệp/H TX	Các tập thể còn lại	Lãnh đạo Đảng, Nhà nước; Lãnh đạo cấp bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương và cấp tỉnh	Lãnh đạo cấp vụ, sở, ngành và tương đương	Các cấp Lđao khác từ trưởng phòng trở lên	Doanh nhân	Công nhân	Nông dân	Người lao động trực tiếp khác (từ Phó trưởng phòng trở xuống)	Công trạng và thành tích đạt được	Chuyên đề	Đột xuất	Cống hiến	Đối ngoại	Niên hạn	Kháng chiến			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	20	21	22	23			24	25	26	27	28	29	30	31		
III	Năm 2022																																
1		Khen thưởng cấp nhà nước																															
1.1		Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ	5	5			5	5																5									
1.2		Cờ thi đua của Chính phủ	1	1		1		1									1																
2		Khen thưởng cấp bộ, cấp tỉnh																															
2.1		Bảng khen	277	277		47	230	40	7					44			3			5				225	222	8							
2.2		Cờ thi đua	9	9		9		9						9																			
2.3		Chiến sĩ thi đua tỉnh	3	3			3												2				1	3									
III	Năm 2023																																
1		Khen thưởng cấp nhà nước																															
1.1		Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ	2	2		1	1	1									1							1									
2		Khen thưởng cấp bộ, cấp tỉnh																															
2.1		Bảng khen	339	339		47	292	41	6					45			2			6				286	285	7							
2.2		Cờ thi đua	8	8		8		8						8																			
2.3		Chiến sĩ thi đua tỉnh																															
		Cộng từ năm 2014-2023	2.489	2.487	2	445	2.044	359	94	0	0	0	0	401	0	0	44	0	0	133	0	0	0	1.911	1.849	168	0	0	0	0	7	8	